

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v: “*Tranh chấp về
hợp đồng đại lý*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Liêng Hót Ri Ôn

- Bà K’Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 02/2024/TB-TA ngày 30/5/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 25/7/2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần V.

Địa chỉ: B, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hoàng L. Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1 và Liên danh

Địa chỉ: A- Tầng D, tòa nhà T, đường M, phường M, Quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thiên . Chức danh: Giám đốc

Người nhận ủy quyền lại của Công ty L1 và Liên danh:

1- Ông Lê Thiên . Sinh năm: 1976

2- Ông Nguyễn Anh Đ. Sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: A- Tầng D, tòa nhà T, đường M, phường M, Quận N, thành phố Hà Nội.

Ông Đ có mặt, ông T1 vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

* *Bị đơn:* Công ty TNHH H

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Xuân T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 12 năm 2023 và các lời khai, ý kiến trình bày của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty cổ phần V và người đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn - ông Lê T1 và ông Nguyễn Anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì:*

Ngày 25/12/2019, Công ty cổ phần V (gọi tắt là Công ty V) và Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) đã ký kết Hợp đồng đại lý xăng dầu số 02/ĐL/VLCĐ/2020 (gọi tắt là Hợp đồng số 02/2020), trong đó, Công ty H là đại lý bán lẻ xăng dầu và được hưởng thù lao đại lý là khoản chênh lệch giữa giá của Công ty V giao cho Công ty H và giá bán lẻ niêm yết tại cửa hàng của đại lý; thời hạn thanh toán là 06 ngày kể từ ngày nhận hàng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty V đã tiến hành giao hàng cho Công ty H theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ với nội dung: Tính đến ngày 29/6/2021, Công ty H còn nợ Công ty V số tiền là 1.224.030.003 đồng tại Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng lập ngày 29/6/2021. Sau đó, Công ty V tiếp tục giao hàng cho Công ty H và phát hành các hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền 689.060.000 đồng.

Đồng thời, Công ty H cũng đã thanh toán cho Công ty V số tiền là 694.410.000 đồng, cụ thể: Ngày 09/7/2021: Thanh toán 325.290.000 đồng; Ngày 25/10/2021: Thanh toán 357.120.000 đồng; Ngày 26/10/2021: Thanh toán 12.000.000 đồng.

Như vậy, đến nay công nợ gốc còn lại mà Công ty H còn phải thanh toán cho Công ty V là 1.218.680.003 đồng. Công ty V đã nhiều lần yêu cầu Công ty H số tiền nêu trên, song đến nay Công ty V vẫn không nhận được bất cứ sự phản hồi cũng như bất cứ khoản thanh toán nào từ Công ty H.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V bị vi phạm nghiêm trọng. Công ty V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đam Rông buộc Công ty H thực hiện các nghĩa vụ, bao gồm:

1. Buộc Công ty TNHH H công nợ gốc cho Công ty V với số tiền cụ thể là 1.218.680.003 đồng (bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn không trăm linh ba đồng).

2. Buộc Công ty TNHH H tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán với với mức lãi suất là 10% tạm tính đến ngày 06/8/2024, số tiền là 369.959.162 đồng.

Tổng cộng 1.588.639.165 đồng (bằng chữ: Một tỷ năm trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H - ông Nguyễn Xuân T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:*

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì các lý do sau:

Một là, Hợp đồng số 18/2022 là hợp đồng tiếp nối hợp đồng số 02/2020 về việc tiếp tục hợp tác kinh doanh nhưng sau khi ký hợp đồng số 18, sau dịch Covid-19 Công ty H phát tái cơ cấu để tiếp tục lấy hàng thì Công ty V không hợp tác, không cung cấp

hàng hóa. Trong khi chưa thanh lý hợp đồng số 02/2020 thì Công ty V đưa ra hợp đồng số 18/2022. Mặc dù các bên có làm việc với nhau nhưng chưa thanh lý hợp đồng. Hợp đồng 02/2020 có hiệu lực hai năm, nhưng trong phụ lục hợp đồng là năm năm về biển hiệu, quảng cáo.

Nếu sử dụng hợp đồng số 02/2020 thì không đúng vì đã hết hiệu lực, cần phải thanh lý.

Hợp đồng 02/2020 đã hết hiệu lực khi 2 bên ký kết hợp đồng số 18/2022. Khi ký kết hợp đồng số 18/2022 thì hai bên cũng đã chốt công nợ để kết thúc hợp đồng số 02/2020 và không tính lãi. Khi ký lại hợp đồng thì bên Công ty V không cung ứng hàng cho bị đơn để tiếp tục kinh doanh buộc phía bị đơn cần phải liên hệ với các thương nhân khác để nhập hàng tiếp tục kinh doanh thì phía Công ty V cản trở bằng cách gọi điện thoại đe dọa các thương nhân khác. Tuy nhiên, ông không ghi âm được nội dung cuộc điện thoại. Sau đó, trước khi bị đơn liên hệ thay đổi thương nhân, Giám đốc Công ty V đã không làm việc, không bán hàng và thanh lý hợp đồng ngay với Công ty H.

Phía công ty H đã gửi yêu cầu thanh lý hợp đồng số 02/2020 cho Công ty V nhưng không nhận được phản hồi. Ngoài ra công ty V còn gửi đơn tố cáo lên Sở C, sau đó Sở C xử phạt 02 Doanh nghiệp hợp tác với công ty H. Công ty H cũng đã có kiến nghị gửi Sở C giải quyết việc công ty V gây cản trở trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong sự vụ Công ty V tố cáo lên Sở C tuy nhiên đến nay chưa có kết quả.

Hai là, Công ty V chậm trễ trong việc treo biển hiệu dẫn đến Công ty H bị phạt số tiền 45.000.000 đồng, do đó yêu cầu hoàn trả lại cho Công ty H số tiền này.

Ba là, từ ngày 26/4/2022, Công ty H đã dừng hoạt động cho đến nay (do Công ty V gửi đơn tố cáo lên sở C) gây thiệt hại cho Công ty H, vì vậy ông yêu cầu Công ty V bồi thường cho Công ty H số tiền thiệt hại được tính dựa trên doanh thu của 03 năm liền kề gần nhất của Công ty H.

Vụ án đã được Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc công ty TNHH H phải thanh toán cho Cty Chất đốt Đ1 là 1.218.680.003 đồng. Đối với yêu cầu lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức 10%/năm là phù hợp với các quy định của pháp luật, thành tiền là 10.155.667 đồng/tháng tương ứng với thời gian từ ngày 02/11/2021 đến ngày 05/8/2024 là 33 tháng. Tổng lãi suất phát sinh là 335.137.011 đồng.

Về án phí, do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Vụ kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng đại lý xăng dầu số: 02/ĐL/VLCĐ/2020 ngày 25/12/2019, phụ lục hợp đồng đại lý số: 02/ĐL/VLCĐ/2020 ngày 03/8/2020 giữa các chủ thể có mục đích kinh doanh là tranh chấp phát sinh trong kinh doanh thương mại, Công ty cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng đại lý đối với Công ty TNHH H thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp gì đối với các điều khoản được thỏa thuận tại Hợp đồng đại lý và phụ lục hợp đồng nêu trên. Hai bên cũng đã lập Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ vào đến ngày 29/6/2019, nhưng bên bị đơn chưa thanh toán, các bên chưa tiến hành thanh lý hợp đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng đại lý" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là pháp nhân có trụ sở hoạt động tại huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Công ty cổ phần V*.

[3.1] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào ngày 29/6/2019 (lần cuối cùng) giữa nguyên đơn và bị đơn xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền chưa thanh toán tổng cộng là 1.224.030.003 đồng. Sau khi trừ đi số dư đã thanh toán của bị đơn thì còn nợ lại là 1.218.680.003 đồng và buộc Công ty TNHH H phải trả số tiền này và lãi suất chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 15/12/2023 với số tiền 291.496.204 đồng. Tổng cộng 1.510.176.207 đồng

Kèm theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là bản sao y, công chứng Hợp đồng đại lý xăng dầu số: 02/ĐL/VLCĐ/2020 ngày 25/12/2019, phụ lục hợp đồng đại lý số: 02/ĐL/VLCĐ/2020 ngày 03/8/2020; Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng ngày 29/6/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác nên được xem là chứng cứ trong vụ án theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có bản tự khai, ý kiến phản hồi các nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi Tòa án thông báo về việc mở lại phiên tòa ngày 30/5/2024 ông T mới có đơn xin hoãn phiên tòa, sau đó nêu ra các nội dung cũng như yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn tại đơn yêu cầu phản tố và biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2024, 16/7/2024. Tuy nhiên, ông T đã được Tòa án giao tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận tài liệu chứng cứ theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không phủ nhận về việc giao kết hợp đồng, xác nhận và đối chiếu công nợ cũng

nếu không có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, con dấu trong các văn bản nêu trên..... nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định các tài liệu, chứng cứ nêu trên là có thật và việc bị đơn còn nợ tiền của nguyên đơn là có trên thực tế. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào kể từ sau thời điểm hai bên ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 29/6/2021. Do đó, đã có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng thì bị đơn phải thanh toán trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày nhận hàng, hạn mức nợ tối đa là 700.000.000 đồng. Xét thấy, việc chậm thanh toán của bị đơn là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng đại lý xăng dầu số: 02/ĐL/VLCĐ/2020 ngày 25/12/2019, phụ lục hợp đồng đại lý số: 02/ĐL/VLCĐ/2020 ngày 03/8/2020, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là phù hợp với Điều 175 Luật Thương mại 2005 nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty cổ phần V về việc buộc bị đơn là Công ty TNHH H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại là 1.218.680.003 đồng.

Do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất chậm trả khi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu theo đơn phản tố của người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông T Tòa án đã có Thông báo số 15/TB-TA ngày 16/7/2024 về việc thực hiện yêu cầu phản tố và giao cho ông T nhận cùng ngày nhưng ông T không thực hiện thủ tục phản tố theo quy định. Tại phiên tòa ông T nêu lý do bận công tác. Hội đồng xét xử thấy rằng lý do này không phù hợp nên không chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tiền phạt chậm thanh toán: Căn cứ điểm 3.2.2 Khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng 02/2020, Công ty TNHH H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày nhận hàng; trường hợp vi phạm thời hạn thanh toán, Công ty TNHH H sẽ phải chịu thêm lãi vay ngắn hạn do Ngân hàng TMCP N quy định. Mặc dù các bên có thỏa thuận về lãi chậm trả, tuy nhiên, chưa đủ thông tin để xác định mức lãi cụ thể. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất chậm trả trong trường hợp này được xác định là 10%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận. Do đó, tạm tính đến ngày 06/8/2024, tiền lãi chậm trả mà Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần V là 369.959.162 đồng, cụ thể:

Đối với số tiền 107.760.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1182 ngày thành tiền 16.593.338 đồng.

Đối với số tiền 158.640.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1182 ngày thành tiền 51.373.282 đồng.

Đối với số tiền 172.700.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1169 ngày thành tiền 55.311.315 đồng.

Đối với số tiền 147.040.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1169 ngày thành tiền 47.093.085 đồng.

Đối với số tiền 93.800.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1114 ngày thành tiền 28.628.274 đồng.

Đối với số tiền 79.640.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1114 ngày thành tiền 24.306.564 đồng.

Đối với số tiền 146.600.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1114 ngày thành tiền 44.743.123 đồng.

Đối với số tiền 140.320.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1008 ngày thành tiền 38.751.386 đồng.

Đối với số tiền 228.700.000 đồng, thời gian chậm thanh toán 1008 ngày thành tiền 63.158.795 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn là Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền án phí là 59.659.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, khoản 1 Điều 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 168, 175 và Điều 306 của Luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH H.

Buộc Công ty TNHH H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần V toàn bộ nợ gốc là 1.218.680.003 đồng đồng và số tiền lãi là 369.959.162 đồng. Tổng cộng 1.588.639.165 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của vụ án là 59.659.000 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.653.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005267 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/8/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng